EFFECTS OF PARTICIPATION IN GOOD AGRICULTURAL PRACTICE ON OVERALL ECONOMIC EFFICIENCY OF CLEAN FRUIT PRODUCING HOUSEHOLDS IN THE SOUTHEAST AREA

Dao Quyet Thang

Thu Dau Mot University
Email: *thangdaoquyet@tdmu.edu.vn*

Received: 20/2/2023
Reviewed: 24/2/2023
Revised: 01/3/2023
Accepted: 24/3/2023

DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v2i1.38*

Abstract:

This study aims to analyze the impact of participating in Good Agricultural Practices (GAP) on the overall economic efficiency of clean fruit farmers in the Southeast region of Vietnam. The study used the Data Envelopment Analysis method to calculate the overall economic efficiency and Ordinary Least Squares regression to quantify the impact of participating in GAP on overall economic efficiency. The results of the study indicated that participating in GAP would have a positive impact on overall economic efficiency although farmers in this group also had to face a higher level of risk compared to the group that did not follow GAP. Based on the research findings, the author also proposed four main solutions to promote agricultural production development for farmers participating in GAP, emphasizing the linkage between four parties: Farmers - Businesses - Government - Scientists.

Key words: *GAP; Overall Economic Efficiency; Agriculture; Farmers; The Southeast region of Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo GAP là hướng đi tất yếu nhằm đạt được mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, góp phần đảm bảo an toàn cho người sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Sản xuất nông nghiệp theo GAP của các hộ nông dân hiện còn khá hạn chế, vì vậy nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những nhân tố tác động đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch, trong đó chú trọng đến nhân tố tham gia GAP, nhằm làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững.

Đông Nam Bộ là khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp an toàn. Số lượng trang trại nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Bộ lớn nhất cả nước với bình quân 625 trang trại/tỉnh (theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn dẫn theo Dung Quỳnh, 2022), khí hậu thuận lợi, diện tích đất nông nghiệp lớn,…

Trong các ngành nông nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ thì trồng trái cây là ngành có

thế mạnh lớn. Để thực hiện được kế hoạch phát triển ngành trồng trái cây theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thì việc tham gia GAP là xu hướng phát triển tất yếu hiện nay nhằm tạo ra sự tăng trưởng bền vững. Để thúc đẩy ngành trồng trọt trái cây sạch phát triển thì cần chứng minh được tính hiệu quả của việc tham gia trồng trái cây theo các tiêu chuẩn sạch để làm minh chứng thúc đẩy nông hộ đầu tư trồng trái cây sạch, cũng như tìm ra các giải pháp thúc đẩy hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch.

2. Tổng quan nghiên cứu

Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP đòi hỏi một lượng vốn khá lớn để đầu tư đào tạo kĩ thuật cho các hoạt động sản xuất, chế biến, các yếu tố đầu vào như giống, phân bón,… và chứng nhận định kì về kiểm định chất lượng (Graffham et al 2007; Okello và Swinton 2007). Điều này ảnh hưởng tương đối lớn đến hiệu quả sử dụng vốn của nông hộ. Nếu không tạo ra được kết quả đầu ra tương xứng, sẽ gây khó khăn cho các hộ nông dân nhỏ lẻ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lớn khẳng định mình trong sản xuất nông nghiệp theo GAP, điển hình như ở Kenya (Asfaw 2007; Graffham 2006; Graffham et al. 2007; Mungai 2004), và Uganda (Kleih et al. 2007). Ngược lại, hiệu quả từ việc đầu tư theo GAP sẽ là động lực kích thích các nông hộ nhỏ lẻ tham gia sản xuất sản phẩm theo GAP. Để có thể bảo vệ mình và cạnh tranh với các doanh nghiệp, nhiều hộ nông dân nhỏ lẻ đã liên kết lại với nhau tạo nên một tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn và đạt được những thành công như ở Zimbabwe (Henson et al. 2005) và ở Madagascar (Minton et al 2007), hoặc tạo liên kết giữa hộ nông dân nhỏ lẻ và doanh nghiệp như một số dự án EurepGAP ở Zambia (Graffham và MacGregor 2007).

Nghiên cứu của Hobbs (2003) cũng đã khẳng định, lợi ích của GAP được phân loại thành hai nhóm chính. Thứ nhất là giúp giảm chi phí sản xuất cho nông dân thông qua sử dụng hiệu quả lao động, lựa chọn đầu vào hợp lý và áp dụng phương pháp quản lý tốt. Thứ hai là góp phần tăng giá sản phẩm đạt GAP, GAP giúp nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó giúp sản phẩm GAP chiếm lĩnh được phân khúc thị trường cao cấp

Ở Việt Nam, cũng đã có một số nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến việc tham gia GAP trong sản xuất nông nghiệp như Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Văn Hùng (2016), Đào Quyết Thắng và Vũ Thị Minh (2017)… Trong khuôn khổ hiểu biết của tác giả thì vẫn chưa có công trình nào đánh giá toàn diện về ảnh hưởng của việc tham gia GAP đến hiệu quả sản xuất trái cây ở khu vực Đông Nam Bộ.

Nhìn chung, tham gia sản xuất nông nghiệp theo GAP sẽ giúp nông hộ gia tăng hiệu quả kinh tế tổng hợp; cải thiện điều kiện sản xuất, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho cả người tiêu dùng lẫn người sản xuất.

3. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu đề xuất

3.1. Địa bàn nghiên cứu

Đông Nam Bộ bao gồm một thành phố trực thuộc trung ương là Thành phố Hồ Chí Minh và 5 tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Tây Ninh. Điều kiện tự nhiên của vùng rất thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây ăn quả nhiệt đới (chôm chôm, nhãn, bưởi, măng cụt, chuối tiêu, sầu riêng, mít, mãng cầu ta…). Trong đó, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương và Đồng Nai là ba tỉnh có sản lượng trái cây khá lớn.

Mặc dù có nhiều lợi thế, nhưng việc trồng trái cây theo các tiêu chuẩn sạch vẫn chưa thật sự được người nông dân quan tâm vì nhiều lý do khác nhau. Chính vì vậy, rất cần làm rõ tính hiệu quả của việc tham gia sản xuất trái cây sạch để làm minh chứng thúc đẩy phát triển sản xuất trái cây sạch tại vùng này. Giải quyết được các vướng mắc ở vùng Đông Nam Bộ sẽ đóng góp rất lớn cho cả lý luận và thực tiễn, làm bài

học kinh nghiệm cho các địa phương trên cả nước và cả các nước có điều kiện tương tự phát triển nông nghiệp theo GAP.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ khảo sát các hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ, thông qua việc sử dụng bảng câu hỏi đã được chuẩn hóa.

Số liệu sơ cấp được thu thập theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng ở các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ với quy mô 200 hộ, trong đó có 100 hộ sản xuất theo GAP đại diện cho các nhóm liên kết đăng ký GAP và 100 hộ không sản xuất theo GAP ở 3 tỉnh bao gồm Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu và Đồng Nai. Cơ sở phân tầng là theo địa phương kết hợp với theo nhóm liên kết sản xuất trái cây sạch. Nghiên cứu dựa vào quy mô nhóm liên kết của địa phương để chọn nhóm khảo sát, sau đó khảo sát hộ sản xuất nông nghiệp ở các nhóm lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Sau khi thu thập phiếu khảo sát, tiến hành loại bỏ các phiếu khảo sát không đủ thông tin, còn lại 186 quan sát được đưa vào phân tích (chiếm tỉ lệ 93%). Cỡ mẫu này đáp ứng điều kiện về cỡ mẫu tối thiểu để phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính (OLS).

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích màng bao dữ liệu (DEA) đối với tiêu chí tối đa hóa đầu ra trong trường hợp thay đổi theo quy mô (VRS) để tính toán hiệu quả kinh tế (TE). Căn cứ vào hàm sản xuất Cobb-Douglass, đầu ra phụ thuộc vào 4 yếu tố là vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và khoa học công nghệ. Nghiên cứu này lựa chọn sử dụng 4 nguồn lực đầu vào là chi phí sản xuất bình quân, vốn đầu tư ban đầu, số lượng lao động, diện tích và 3 kết quả đầu ra là năng suất bình quân, lợi nhuận bình quân và doanh thu bình quân để tính toán hiệu quả kinh tế.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để tìm ra các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch. Phương pháp kiểm định sự khác biệt giữa nhóm tham gia GAP và không tham gia GAP để so sánh mức độ hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ giữa hai nhóm. Đồng thời, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính để đánh giá tác động của tham gia GAP đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ

3.4. Mô hình nghiên cứu

Căn cứ vào tổng quan nghiên cứu và phỏng vấn chuyên gia, kết hợp với quan sát thực tế tại các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, mô hình nghiên cứu được tác giả lựa chọn cụ thể:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

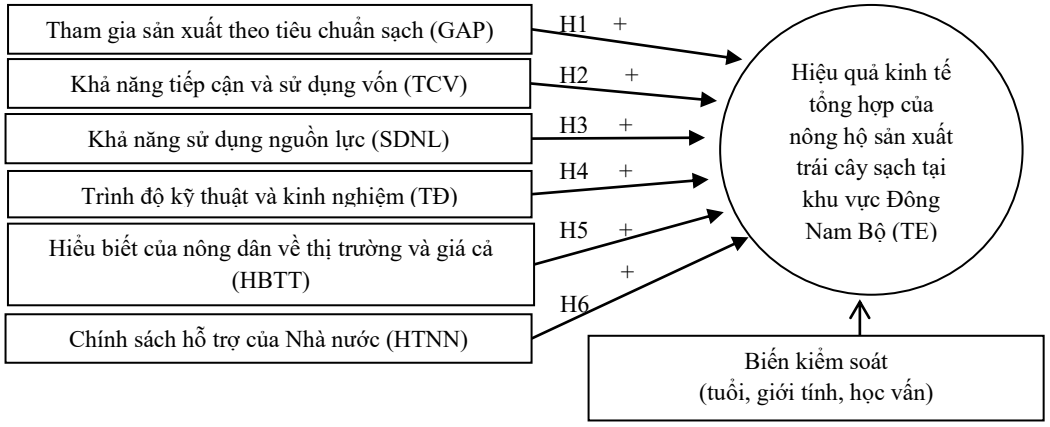

Các biến sử dụng trong mô hình được nghiên cứu được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó, kết hợp với phỏng vấn sâu, với tỷ lệ các chuyên gia đồng ý từ 80% trở lên. Cụ thể:

Bảng 1. Bảng các biến và thang đo đưa vào mô hình đề xuất

Tên biến	Ký hiệu	Thang đo	Căn cứ
Tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn sạch	GAP		Hobbs (2003)
Khả năng tiếp cận và sử dụng vốn	TCV1	Khả năng tiếp cận vốn từ các ngân hàng/ tổ chức tín dụng	Lý (2011)
	TCV2	Khả năng tiếp cận vốn từ các cá nhân và tổ chức khác	
	TCV3	Khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn (Hồ sơ vay, tài sản thế chấp, phương án kinh doanh…)	
	TCV4	Khả năng sử dụng hiệu quả vốn vào sản xuất kinh doanh	
Khả năng sử dụng nguồn lực	SDNL1	Cơ sở vật chất/trang thiết bị sản xuất được bảo đảm/vận hành tốt	Fitzgerald và cộng sự(1991)
	SDNL2	Sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại	
	SDNL3	Lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật sản xuất	
	SDNL4	Nhân công được thuê có kinh nghiệm sản xuất	
Trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm	TĐ1	Hộ đã làm nông nghiệp lâu năm	Mariano (2012)
	TĐ2	Cây con có truyền thống ở địa phương	Nguyễn Tiến Dũng (2015)
	TĐ3	Hộ sản xuất thành thạo và có nhiều kinh nghiệm	Bravo-Ureta (1993); Srisompun(2012)
	TĐ4	Hộ có hiểu biết về kỹ thuật mới	Srisompun (2012)
Hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả	HBTT1	Hộ có khả năng dự báo giá cả	Bravo-Ureta (1993)
	HBTT2	Hộ có hiểu biết về thị trường	Hồ Quế Hậu (2019)
	HBTT3	Hộ có hiểu biết về pháp luật trong mua bán	Hồ Quế Hậu (2019)
Chính sách hỗ trợ của Nhà nước	HTNN1	Hỗ trợ của Nhà nước về vốn	Đào Quyết Thắng, Vũ Thị Minh (2017)
	HTNN2	Hỗ trợ của Nhà nước về kỹ thuật	
	HTNN3	Hỗ trợ của Nhà nước về chính sách	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

4. Kết quả nghiên cứu

Để đánh giá tác động của việc tham gia GAP tới đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết cần hiểu rõ thế nào là đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP. Theo tác giả, đó là đầu tư của hộ nông dân vào tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn GAP nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và vì mục tiêu phát triển bền vững. Mục đích của đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP là nhằm hướng đến một nền nông nghiệp

hiện đại, công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

4.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ thông qua kết quả phân tích màng bao dữ liệu

Sau khi tiến hành phân tích DEA thu được kết quả như sau:

Bảng 2: Bảng hiệu quả kinh tế tổng hợp TE theo kết quả mô hình DEA

	Không tham gia GAP				Tham gia GAP			
	Mean	Max	Min	**σ**	Mean	Max	Min	**σ**
TE	0,821	1	0,7	0,054	0,917	1	0,678	0,064

Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu khảo sát với sự trợ giúp của phần mềm DEA

Theo kết quả phân tích màng bao dữ liệu DEA của hai nhóm tham gia GAP và không tham gia GAP dựa trên 1 màng bao dữ liệu cho cả hai nhóm hộ sản xuất cho thấy cả hai nhóm đều đạt được tính hiệu quả trong đầu tư ở mức tương đối cao, cụ thể nhóm không theo GAP đạt hiệu quả kinh tế tổng hợp bình quân TE khoảng 0,821 trong khi nhóm sản xuất theo GAP đạt giá trị cao hơn, đạt khoảng 0,917. Điều này cho thấy rằng, do đầu tư chưa tương xứng nên chất lượng đầu ra sản phẩm của nhóm không tham gia GAP không cao, do đó dẫn đến hiệu quả thấp hơn nhóm tham gia GAP. Kết quả này phản bác lại quan điểm của Schultz (1964) khi cho rằng nông hộ ở các nước đang phát triển "nghèo nhưng hiệu quả" đã từng tạo ra một làn sóng tranh luận. Đồng thời, nó cũng ủng hộ cho nhiều nghiên cứu thực nghiệm mới (Sen, 1966; Hopper, 1965; Lipton, 1968; Bliss and Stern, 1984, v.v…). Bên cạnh đó, độ lệch chuẩn (σ) của nhóm theo GAP cao hơn so với nhóm không theo GAP, điều này cho thấy mức độ phân tán giá trị hiệu quả của nhóm đầu tư theo GAP là khá cao. Tuy nhiên cả hai nhóm đều phần lớn đạt mức hiệu quả từ 0,8 đến dưới 0,9. Mặc dù mức bình quân hiệu quả nhóm đầu tư theo GAP cao hơn, nhưng độ lệch chuẩn cũng lớn hơn, điều này cho thấy đầu tư theo GAP có thể giúp tạo ra hiệu quả cao nhưng khi xảy ra rủi ro, nông hộ sẽ chịu thiệt hại nặng hơn so với sản xuất không theo GAP. Minh chứng cho điều này là giá trị nhỏ nhất của hiệu quả tổng hợp của nhóm theo GAP nhỏ hơn hẳn so với nhóm còn lại.

Bảng 3: Kiểm định sự khác biệt về hiệu quả kinh tế tổng hợp của nhóm hộ tham gia sản xuất theo GAP và nhóm hộ không tham gia sản xuất theo GAP

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means				
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference
TE	Equal variances assumed	3,143	0,078	11,058	184	0,000	0,096	0,009
	Equal variances not assumed			10,996	174,11	0,000	0,096	0,009

Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu khảo sát với sự trợ giúp của phần mềm DEA và SPSS

Theo kết quả kiểm định sự khác biệt giữa hai nhóm theo GAP và không theo GAP thì nhóm tham gia GAP có hiệu quả kinh tế tổng hợp bình quân cao hơn nhóm còn lại 0,096 với mức ý nghĩa 99% (Sig.(2-tailed) =0,000<0,05). Kết quả này phù hợp với kết luận của các nghiên cứu trước đó của Sen (1966) và Hobbs (2003).

4.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Để thực hiện phân tích nhân tố khám phá, tác giả tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng chỉ số Cronbach's Alpha. Kết

quả thu được như sau:

Bảng 4: Kiểm định mức độ tin cậy của thang đo

Nhóm nhân tố	Thang đo	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan với biến tổng
Khả năng tiếp cận và sử dụng vốn	TCV1; TCV2; TCV3; TCV4	0,823	Từ 0,6 đến 0,707
Khả năng sử dụng nguồn lực	SDNL1; SDNL2; SDNL3; SDNL4	0,738	Từ 0,472 đến 0,659
Trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm	TĐ1; TĐ2; TĐ3; TĐ4	0,743	Từ 0,455 đến 0,576
Hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả	HBTT1; HBTT2; HBTT3	0,710	Từ 0,503 đến 0,547
Chính sách hỗ trợ của Nhà nước	HTNN1; HTNN2; HTNN3	0,670	Từ 0,460 đến 0,536

Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu khảo sát với sự trợ giúp của phần mềm SPSS

Qua bảng kết quả ta thấy hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm nhân tố đều lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4. Như vậy, theo Peterson (1994) chất lượng thang đo thỏa mãn điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 5. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

	Component				
	1	2	3	4	5
TCV3	0,833				
TCV1	0,824				
TCV4	0,755				
TCV2	0,748				
TĐ3		0,754			
TĐ1		0,750			
TĐ4		0,745			
TĐ2		0,680			
SDNL1			0,849		
SDNL3			0,736		
SDNL2			0,735		
SDNL4			0,628		
HBTT3				0,782	
HBTT2				0,775	
HBTT1				0,738	
HTNN2					0,796
HTNN1					0,780
HTNN3					0,689
Eigenvalues	4,191	2,167	1,904	1,515	1,423
Cumulative (%)	23,285	35,326	45,902	54,319	62,222
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.					0,751
Bartlett's Test of Sphericity		Approx. Chi-Square			1012,079

	df	153,000
	Sig.	0,000
Extraction Method: Principal Component Analysis. Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.		
a. Rotation converged in 5 iterations.		

Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu khảo sát với sự trợ giúp của phần mềm SPSS

Theo kết quả ở bảng 5, KMO = 0,751 nên phân tích nhân tố là thích hợp; kiểm định Bartlett cho kết quả Sig. = 0,000 <0,05 nên các biến có tương quan với nhau trong tổng thể. Do đó, mô hình có đủ điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố.

Có 5 nhân tố có Eigenvalues (lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố) lớn hơn 1 được rút trích từ 18 item ban đầu và Cumulative (tương quan biến tổng) của 5 nhân tố có giá trị bằng 62,222 cho ta biết 5 nhân tố này giải thích được 62,222% độ biến thiên của dữ liệu (Anderson và Gerbing, 1988).

Như vậy, dựa vào ma trận xoay (Rotated Component Matrix) từ phân tích EFA ta có 5 nhân tố được tạo ra từ 18 item là: Khả năng tiếp cận và sử dụng vốn (TCV); Trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm (TĐ); Khả năng sử dụng nguồn lực (SDNL); Hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả (HBTT) và Chính sách hỗ trợ của Nhà nước (HTNN).

4.3. Tác động của việc tham gia GAP tới hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ

Bảng 6. Kết quả hồi quy mô hình

Coefficients[a]								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	0,450	0,038		11,844	0,000		
	GAP	0,041	0,007	0,270	5,454	0,000	0,642	1,557
	TVC	0,012	0,005	0,119	2,704	0,008	0,807	1,239
	SDNL	0,022	0,005	0,180	4,144	0,000	0,831	1,204
	HBTT	0,025	0,005	0,206	4,593	0,000	0,783	1,277
	TĐ	0,014	0,006	0,096	2,183	0,030	0,813	1,230
	HTNN	0,001	0,005	0,011	0,245	0,806	0,860	1,162
	Gioitinh	0,002	0,007	0,011	0,274	0,785	0,946	1,057
	tuoi	0,001	0,004	0,012	0,287	0,774	0,949	1,053
	hocvan	0,035	0,003	0,456	10,644	0,000	0,858	1,165
Model Summary				ANOVAa				
Adjusted R Square			0,709	F	51,008	Sig.	0,000[b]	
a. Dependent Variable: TE								
b. Predictors: (Constant), hocvan, tuoi, TVC, SDNL, Gioitinh, HTNN, HBTT, TĐ, GAP								

Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu khảo sát với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 22.0

Kiểm định sự phù hợp của mô hình cho kết quả $\bar{R}^2$=0,709. Như vậy, 70,9% sự thay đổi của hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

Kiểm định ANOVA cho kết quả Sig. =0,000<0,01. Như vậy với mức ý nghĩa 99% có thể kết luận mô hình hồi quy là phù hợp. Các hệ số VIF của các biến cũng đều nhỏ hơn

2 cho thấy các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Thông qua kết quả hồi quy cho thấy có 6 biến đều tác động thuận chiều tới hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ. Trong đó có 5 biến tác động dương với mức ý nghĩa 99% là: Tham gia GAP; Khả năng tiếp cận và sử dụng vốn; Khả năng sử dụng nguồn lực; Hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả; Trình độ học vấn. Có 1 biến tác động dương với mức ý nghĩa 95% là: Trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm. Ngoài ra, còn có 3 biến không có tác động tới hiệu quả kinh tế tổng hợp gồm: Chính sách hỗ trợ của Nhà nước; Tuổi; Giới tính.

5. Bàn luận

Ngoài nhân tố tham gia GAP, nghiên cứu tìm ra 5 nhân tố khác cũng tác động đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch, bao gồm: khả năng tiếp cận và sử dụng vốn; khả năng sử dụng nguồn lực; trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm; hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả; chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Các nhân tố được tìm thấy phù hợp với thực tiễn sản xuất trái cây sạch tại các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ.

Kết quả hồi quy cho thấy việc tham gia thực hành sản xuất nông nghiệp tốt có tác động mạnh nhất đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ. Nếu các yếu tố khác không đổi, việc tham gia GAP sẽ làm tăng hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ thêm 0,270. Kết quả này ủng hộ cho các nghiên cứu trước đó của Sen (1966) và Hobbs (2003). Việc tham gia GAP sẽ góp phần gia tăng chất lượng trái cây, giảm chi phí sản xuất, giá bán cao làm tăng lợi nhuận. Điều này sẽ góp phần tích cực vào việc gia tăng hiệu quả kinh tế tổng hợp, cải thiện đời sống của nông hộ. Tuy nhiên, nông hộ cũng phải chấp nhận rủi ro lớn hơn khi tham gia GAP. Cụ thể, để tham gia GAP thì chi phí đầu tư ban đầu của các hộ sản xuất sẽ lớn hơn, các yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng cũng cao hơn, sản lượng đạt tiêu chuẩn giảm hơn so với sản xuất không theo GAP… Điều này gây áp lực rất lớn cho đầu ra của sản phẩm. Nếu không thể bán được với giá thành cao hơn, hoặc gặp những rủi ro khác như thiên tai, thời tiết,…. sẽ dẫn đến mức thiệt hại phải chịu lớn hơn hẳn so với nhóm không theo GAP.

Biến hiểu biết của nông dân về thị trường và giá cả (HBTT) có hệ số beta chuẩn hóa đạt 0,206. Kết quả này ủng hộ cho nghiên cứu trước đó của Bravo-Ureta (1993) và Hồ Quế Hậu (2019). Việc hiểu biết về thị trường và giá cả sẽ giúp cho nông hộ chủ động trong việc xây dựng phương án sản xuất, chủ động thời vụ để đạt được doanh thu và lợi nhuận lớn hơn, tránh được rủi ro được mùa mất giá.

Biến khả năng sử dụng nguồn lực (SDNL) và khả năng tiếp cận vốn (TCV) có hệ số beta chuẩn hóa lần lượt là 0,180 và 0,119. Kết quả này ủng hộ cho các nghiên cứu trước đó của Fitzgerald và cộng sự (1991) và Lý (2011). Các biến trên đều tác động thuận chiều tới hiệu quả kinh tế tổng hợp với với độ tin cậy 99%. Năng lực sử dụng nguồn lực và khả năng tiếp cận vốn sẽ giúp nông hộ tiết kiệm chi phí, bổ sung kịp thời nguồn vốn cần cho sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao năng suất và lợi nhuận, góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế tổng hợp.

Biến trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm (TĐ) cũng có tác động thuận chiều nhưng yếu hơn các biến trước với độ tin cậy 95% đạt hệ số beta chuẩn hóa 0,096. Phát hiện này ủng hộ cho các nghiên cứu của Mariano (2012), Nguyễn Tiến Dũng (2015), Bravo-Ureta (1993) và Srisompun (2012). Riêng biến chính sách hỗ trợ của Nhà nước (HTNN), thì vẫn chưa có sự tác động đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ (Sig. =0,806>0,05). Việc chưa tìm thấy tác động của chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực

Đông Nam Bộ là điểm khác biệt so với các nghiên cứu trước đó. Điều này có thể giải thích bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Thứ nhất, việc sử dụng màng bao dữ liệu để tính toán hiệu quả kinh tế tổng hợp có một hạn chế là giá trị được tính toán dựa trên sự so sánh giữa các quan sát đưa vào phân tích. Chính vì vậy, nếu mức độ tác động của hỗ trợ Nhà nước đến các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất trái cây không có sự chênh lệch giữa các nông hộ, sẽ dẫn đến giá trị hiệu quả kinh tế tổng hợp của các nông hộ không có sự thay đổi giữa trường hợp có sự hỗ trợ của Nhà nước và không có sự hỗ trợ của Nhà nước. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ của Nhà nước cho nông dân sản xuất trái cây cơ bản có nhiều sự tương đồng giữa các địa phương, các chính sách được triển khai khá đồng bộ từ trung ương đến địa phương, đây có thể là nguyên nhân chính dẫn đến việc chưa tìm thấy sự tác động của hỗ trợ Nhà nước đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây ở khu vực Đông Nam Bộ. Thứ hai, nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước mang tầm vĩ mô và tác động đến sản xuất nông nghiệp trong dài hạn, do đó, người nông dân không nhận thấy sự tác động của các chính sách đó đến hoạt động sản xuất của nông hộ. Thứ ba, theo quan điểm của tác giả, hiệu quả của các hỗ trợ Nhà nước cho nông dân không thể do một mình phía Nhà nước quyết định mà phần lớn là do chính những người nông dân được tiếp nhận hỗ trợ quyết định. Việc hỗ trợ nông dân chỉ mang lại hiệu quả khi bản thân người nông dân ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình; sử dụng vốn, vật tư hỗ trợ đúng mục đích, áp dụng tốt các kiến thức tập huấn vào quá trình sản xuất nông nghiệp,… Có như vậy, chính sách hỗ trợ của Nhà nước mới mang lại hiệu quả thiết thực. Do đó, mặc dù bài báo chưa tìm thấy sự tác động của hỗ trợ Nhà nước đến hiệu quả kinh tế tổng hợp, nhưng không thể phủ nhận vai trò quan trọng của hỗ trợ Nhà nước trong phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất trái cây tại vùng Đông Nam Bộ nói riêng. Để nâng cao hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, Nhà nước cũng cần rà soát lại các chính sách, tránh tình trạng bệnh thành tích trong báo cáo kết quả chính sách hỗ trợ, cần đi sâu vào tính hiệu quả hơn là số lượng, hỗ trợ đúng người, đúng thời điểm, đúng mục đích; đồng thời, cần thực hiện khảo sát, đánh giá lại kết quả đạt được cũng như nguyên nhân hạn chế để điều chỉnh cho những lần hỗ trợ tiếp theo.

Ngoài ra, trong 3 biến kiểm soát thì chỉ có biến học vấn là có mối quan hệ thuận chiều với hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ với mức ý nghĩa 99%. Hai biến còn lại là tuổi và giới tính thì chưa tìm thấy mối liên hệ với biến phụ thuộc. Hệ số beta chuẩn hóa cho thấy, học vấn có tác động rất lớn đến hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ. Chủ hộ có trình độ học vấn cao có nhiều khả năng và điều kiện để tiếp cận với các kiến thức, kỹ thuật sản xuất tiên tiến, khả năng tiếp thu kiến thức cũng như sử dụng các nguồn lực tốt hơn, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất. Do đó, nông hộ cần chủ động nâng cao ý thức học tập tiếp thu kiến thức mới, tiên tiến, hiện đại thông qua việc học hỏi kiến thức, kinh nghiệm từ các đợt tập huấn cũng như từ các mô hình sản xuất thành công.

6. Kết luận

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo GAP đang là một xu thế tất yếu hiện nay. Nghiên cứu này chỉ ra rằng: việc tham gia GAP có tác động tích cực tới hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, sản xuất theo GAP mặc dù tạo ra cơ hội gia tăng hiệu quả cao hơn nhưng rủi ro cũng sẽ lớn hơn do nguồn lực đầu vào như vốn, lao động,… thường khá lớn.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ theo GAP:

(1) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng sản xuất an toàn phù hợp với điều kiện từng địa phương. Giải pháp này nhằm tạo ra môi trường, điều kiện và định hướng cho nông hộ trong đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo GAP.

(2) Nâng cao hiểu biết và trình độ sản xuất của nông hộ theo GAP. Điều này giúp nông hộ thấy được hiệu quả và biết cách đầu tư phát triển sản xuất theo GAP.

(3) Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm đạt GAP. Đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo phát triển bền vững trong đầu tư sản xuất theo GAP của nông hộ.

(4) Thực hiện liên kết giữa 4 nhà. Trong đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo GAP, nông hộ không thể thực hiện riêng lẻ mà cần phải kết hợp chặt chẽ với doanh nghiệp và phải thu hút các nhà khoa học cùng tham gia, đồng thời cũng không thể tách rời vai trò tổ chức quản lý của Nhà nước. Trong mối liên kết này, rất cần một đầu tàu chịu trách nhiệm vận hành hoạt động của hệ thống liên kết. Theo quan điểm của tác giả, doanh nghiệp là đối tượng phù hợp nhất cho vị trí này. Doanh nghiệp có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường, nắm bắt nhu cầu thị trường và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiếp cận các kỹ thuật sản xuất tiên tiến… Kết nối với doanh nghiệp sẽ tạo nhiều thuận lợi cho nông dân phát triển sản xuất, thực hiện được các định hướng phát triển của Nhà nước và tận dụng được tốt hơn các đóng góp của các nhà khoa học.

Các giải pháp này thống nhất chặt chẽ với nhau. Trong đó, giải pháp quan trọng nhất là thực hiện liên kết giữa 4 nhà, vì chỉ có thực hiện tốt giải pháp này mới đảm bảo khả năng thực hiện tốt các giải pháp còn lại.

Tài liệu tham khảo

Anderson, JC. and Gerbing, DW. (1988). Structural equation modelling in practice: A review and recommended teo–step approach. *Psychological Bulletin*, *103*(3), 411- 423.

Asfaw, S. (2007). Does EurepGAP standard marginalize poor farmers? Evidence from Kenya. *Entwicklung and Landlicher Raum*, *1*.

Bliss, C. J., and N. H. Stern. (1984). Palanpur: The Economy of an Indian Village. *Community Development Journal, Oxford University Press, 19*(1), 57-59.

Bravo-Ureta, B. (1993). Efficiency analysis of Developing country agriculture: A review of the frontier function literature. *Agricultural and Resource Economics Review, 22*(1), 88-101.

Dung, N. T. (2015). *Giai phap nang cao hieu qua kinh te trong san xuat lua cua nong ho o thanh pho Can Tho* (thesis).

Fitzgerald, L., Johnston, R., Brignall, T., Silvestro, R., & Voss, C. (1991). Performance measurement in service businesses. *Chartered Institute of Management Accountants London, Vol. 69*.

Graffham, A. (2006). European standards affect African growers. *Pesticide News, 71*, Developing country initiative.

Graffham, A., & MacGregor, J. (2007). *Impact of EurepGAP on small-scale vegetable growers in Zambia*. Fresh insights.

Graffham, A., Karehu, E., & MacGregor, J. (2007). *Impact of EurepGAP on small-scale vegetable growers in Kenya*. Fresh insights.

Ha, N. M., Hung, N. V. (2016). Cac yeu to tac dong den viec tham gia VietGAP cua ho trong thanh long: Nghien cuu tai huyen Ham Thuan Bac, tinh Binh Thuan. *Tap chi Phat trien Kinh te, 27*.

Hair, JF., Black, WC., Babin, BJ., Anderson, RE., and Tatham, RL. (2006). *Multivariate Data Analysis*. Upper Saddle River NJ: Prentice – Hall.

Hau, H. Q. (2019). Nhung nhan to anh huong den hieu qua kinh te cua ho nong dan trong san xuat nong nghiep o Viet Nam. *Tap chi Kinh te & Phat trien, 270*, 51-62.

Henson, S. J., Masakure, O., and Boselie, D. (2005). Private food safety and quality standards for fresh produce exporters: The case of hortico agrisystems, Zimbabwe. *Food Policy, 30*, 371–384.

Hobbs, J.E. (2003). *Incentives for the Adoption of Good Agricultural Practices (GAPs)*, Background paper for the FAO consultation on Good Agricultural Practices, Rome

Hopper, D. W. (1965). Allocational Efficiency in Traditional Indian Agriculture. *American Journal of Agricultural Economics, 47*(3), 611–624.

Kleih, U., Ssango, F., Kyazze, F., Graffham, A., and MacGregor, J. (2007). *Impact of EurepGAP on small- scale fruit and vegetable growers in Uganda*. Fresh insights 10.

Lipton, M. (1968). The Theory of the Optimizing Peasant. *Journal of Development Studies, 4*(3).

Ly, P. T. M. (2011). Phan tich tac dong cua cac nhan to anh huong den hoat dong kinh doanh cua cac doanh nghiep vua va nho o Thua Thien Hue. *Tap Chi Khoa Hoc Va Cong Nghe, 2*(43).

Mariano, M.J. (2012). Factors Influecing Farmers' Adoption of Modern Rice Technology and Good Management Practices in the Phillipines. *Agricultural Systems, 110*, 41–53.

Minton, B., Randrianarison, L., & Swinnen, J. F. M. (2007). "Global supply chains, poverty and the environment: Evidence from Madagascar", In J. F. M. Swinnen (Ed.), *Global supply chains, standards, and the poor: How the globalization of food systems and standards affects rural development and poverty*, Wallingford, UK: CABI, 147–157.

Mungai, N. (2004). *EU rules could destroy horticulture: The protocol on good agricultural practices will have a profound impact on both large and small-scale farmers, alhough the biggest impact will be on the latter*. Daily nation 7, Nairobi.

Okello, J. J., and Swinton, S. M. (2007). Compliance with international food safety standards in Kenya's green bean industry: Comparison of a small- and a large-scale farm producing for export. *Review of Agricultural Economics, 29*(2), 269–285.

Peterson, R. A. (1994). A meta-analysis of Cronbach's coefficient alpha. *Journal of Consumer Research, 21*, 381–391.

Quynh, D. (2022). *Ca nuoc co 19.667 trang trai nong nghiep cho hieu qua kinh te cao*. Hanoi Moi. Retrieved Feb 20, 2023, from https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Nong-nghiep/1024314/ca-nuoc-co-19667-trang-trai-nong-nghiep-cho-hieu-qua-kinh-te-cao.

Schultz, T. W. (1964). *Transforming Traditional Agriculture*. University of Chicago Press.

Sen, A. K. (1966). Peasants and Dualism With or Without Surplus Labor. *Journal of Polictical Economy, LXXIV*(5), 425–438.

Srisompun, O. (2012). Efficiency change in Thailand Rice Production: An Evidence from Panel Data. *Journal of Development and Agriculture Economics, 4*(4), 101-108.

Thang, Đ. Q. and Minh, V. T. (2017). Anh huong cua cac nhan to den dau tu phat trien nong nghiep theo tieu chuan GAP cua nong ho tai Ninh Thuan, *Tap chi Kinh te & Phat trien, 240*(II), 105-113.

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC THAM GIA THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TỚI HIỆU QUẢ KINH TẾ TỔNG HỢP CỦA NÔNG HỘ SẢN XUẤT TRÁI CÂY SẠCH TẠI KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ

Đào Quyết Thắng

Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: *thangdaoquyet@tdmu.edu.vn*

Ngày nhận bài: 20/2/2023
Ngày phản biện: 24/2/2023
Ngày tác giả sửa: 01/3/2023
Ngày duyệt đăng: 24/3/2023

DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v2i1.38*

Tóm tắt:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của việc tham gia thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) tới hiệu quả kinh tế tổng hợp của nông hộ sản xuất trái cây sạch tại khu vực Đông Nam Bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp màng bao dữ liệu để tính toán hiệu quả kinh tế tổng hợp và hồi quy tuyến tính bằng ước lượng bình phương nhỏ nhất để lượng hóa tác động của tham gia GAP đến hiệu quả kinh tế tổng hợp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tham gia GAP sẽ tác động tích cực đến hiệu quả kinh tế tổng hợp, tuy nhiên các nông hộ thuộc nhóm này cũng phải chấp nhận một mức rủi ro lớn hơn so với nhóm không tham gia GAP. Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất 4 giải pháp chính nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp của nông hộ tham gia GAP, trong đó nhấn mạnh giải pháp liên kết 4 nhà: Nhà nông – Doanh nghiệp – Nhà nước – Nhà khoa học.

Từ khóa: *GAP; Hiệu quả kinh tế tổng hợp; Nông hộ; Sản xuất nông nghiệp; Vùng Đông Nam Bộ.*